TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HS-ST
Ngày 30 tháng 7 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Hà Vính

2. Bà Nguyễn Thị Hà

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2020/HSST ngày 17/4/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXX-ST, ngày 18/6/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/HSST-QĐ ngày 30/6/2020 đối với bị cáo:

Kiều Thị N; tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 6 năm 1970; tại xã TH, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: Khu 5, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Kiều Văn H (Đã chết) và bà: Trịnh Thị T (Đã chết); bị cáo có chồng là Trương Văn T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2019 đến ngày 23/12/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:*

1. Hồ Thị L – Sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Anh Bùi Văn Q – Sinh năm 1993; vắng mặt.

3. Anh Bùi Văn Đ – Sinh năm 1993; vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn L, xã T, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 19 tháng 12 năm 2019, Kiều Thị N đang ở quán Karaoke HN của gia đình bị cáo ở khu 5, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa thì có Bùi Văn Q, Bùi Văn Đ, cùng sinh năm 1993 trú tại thôn L, xã T, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa đến quán hát Karaoke. Tại đây khi đang hát Karaoke cùng 2 nhân viên tiếp bia thì Bùi Văn Q ra ngoài gặp N đặt vấn đề muốn mua dâm thì được N giới thiệu đến phòng 101 của quán để gặp và mua dâm với Hồ Thị L (Sinh năm 1988, trú tại thôn H, xã N, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa) và cho biết giá một lần mua dâm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) thì Q đồng ý. Q đưa cho N một tờ tiền mệnh giá 500.000đồng thì được N trả lại 200.000đồng. Sau đó Q đi vào phòng 101 để mua dâm với L, Q và L quan hệ tình dục khoảng 20 phút thì Q đi ra ngoài gặp N tiếp tục đưa cho N một tờ tiền mệnh giá 500.000đồng và nói là thanh toán tiền mua dâm cho Bùi Văn Đ thì được N đồng ý và trả lại cho Q 200.000đồng, xong N đi lên nhà chính của mình để nghỉ còn Q đi vào phòng hát Karaoke số 2 gặp Đ và nói với Đ sang phòng 101 để mua dâm với L. Khi Bùi Văn Đ sang phòng chuẩn bị quan hệ tình dục với L thì bị tổ công tác Công an huyện Thạch Thành phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính đối với Hồ Thị L, Bùi Văn Q, Bùi Văn Đ về hành vi mua bán dâm.

Đối với Kiều Thị N, sau khi biết việc cho Hồ Thị L bán dâm tại quán Karaoke HN là vi phạm pháp luật nên đến 19 giờ cùng ngày N đã đến Công an huyện Thạch Thành đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp số tiền 1.000.000đồng.

Quá trình điều tra, Kiều Thị N khai nhận Hồ Thị L là nhân viên phục vụ của quán, giữa N và L thỏa thuận khi có khách mua dâm thì N là người trực tiếp thỏa thuận, giao dịch, thu tiền của khách. Số tiền mỗi lượt bán dâm từ 250.000đồng đến 300.000đồng, trong đó N trả cho L số tiền 150.000đồng, N hưởng số tiền còn lại tùy thuộc mỗi lần thỏa thuận với khách.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng;

- 01 chiếc đầu thu Camera nhãn hiệu AHUASIN: 3E042E1PAGĐ14EW vỏ màu trắng bạc, đã qua sử dụng;

- Tiền Việt Nam: 1.000.000đồng.

Quá trình điều tra xác định chiếc đầu thu Camera thu giữ không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Kiều Thị N là chủ sở hữu hợp pháp. Những vật chứng còn lại hiện đang được bảo quản chờ xử lý theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKSTT ngày 17/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân (Sau đây viết tắt VKSND) huyện Thạch Thành đã truy tố Kiều Thị N về tội: "*Chứa mại dâm"* theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 327 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo Kiều Thị N khai nhận: Ngày 19/12/2020, Bùi Văn Q và Bùi Văn Đ đến quán Karaoke HN của nhà N hát Karaoke, sau khi vào hát cùng với 02 nhân viên tiếp bia của quán được một lúc thì Q ra ngoài gặp N và đặt vấn đề, thỏa thuận mua dâm cho Q và Đ. Do đã có thỏa thuận từ trước với Hồ Thị L là nhân viên của quán về việc nếu có khách mua dâm thì N trực tiếp đứng ra thỏa thuận, giao dịch và thu tiền của khách nên N nói với Q đến phòng 101 của quán để mua dâm với Hồ Thị L, giá một lần mua dâm là 300.000đồng. Q đồng ý giá tiền mua dâm cho Q và Đ là 300.000đồng một lần và trả trước số tiền mua dâm của Q nên đã đưa cho N số tiền là 500.000đồng, bị cáo đã trả lại cho Q số tiền 200.000đồng; sau khi quan hệ tình dục với L, Q đã ra trả tiền mua dâm cho Đ để định mua dâm với L và cũng đưa số tiền 500.000đồng nên N trả lại cho Q số tiền 200.000đồng sau đó bị cáo đi lên nhà để nghỉ. Khi Đ chuẩn bị quan hệ tình dục với L thì Công an huyện Thạch Thành bắt quả tang.

Đại diện VKSND huyện Thạch Thành giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1; khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS, tuyên bố bị cáo Kiều Thị N phạm tội "*Chứa mại dâm*" và đề nghị mức hình phạt từ 18 đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS) tịch thu tiêu hủy 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng đựng trong phong bì niêm phong bởi 04 hình dấu giáp lai của UBND thị trấn K, huyện T, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 600.000đ là tiền do phạm tội mà có, trả lại cho bị cáo số tiền 400.000đ.

Trong lời sau cùng, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cho bị cáo được học tập, cải tạo tại địa phương nơi cư trú.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Kiều Thị N thành khẩn nhận tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người làm chứng đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 16 giờ ngày 19/12/2020, tại quán Karaoke HN của gia

đình bị cáo tại khu 5, thị trấn K, huyện T. Kiều Thị N đã có hành vi giao dịch, thỏa thuận và thu tiền của Bùi Văn Q để Hồ Thị L dùng phòng 101 của quán bán dâm lần lượt cho Q và Đ; xét thấy, mặc dù bị cáo chứa mại dâm 01 người bán dâm cho hai người nhưng việc mua bán dâm diễn ra trong một khoảng thời gian liên tiếp, do một người đứng ra giao dịch, trả tiền nên hành vi của bị cáo được coi là một lần chứa mại dâm; bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý, động cơ mục đích vì vụ lợi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Chứa mại dâm*" được quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của VKSND huyện Thạch Thành truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng; vì vụ lợi và lòng tham bị cáo đã kinh doanh trên thân xác người phụ nữ; xâm phạm thuần phong mỹ tục, bị xã hội lên án. Vì vậy cần phải lên một mức án nghiêm khắc, tương xứng với mức độ phạm tội để đảm bảo tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo tự giác đến Công an huyện Thạch Thành đầu thú, bố chồng bị cáo là ông Trương Xuân N được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhì nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo là người có nhân thân tốt, quá trình sinh sống, kinh doanh bị cáo chấp hành tốt các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng vì vậy nghĩ chưa cần thiết cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục là đủ nghiêm đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa, bị cáo có nghề nghiệp kinh doanh, có thu nhập nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 10.000.000đ đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

[6]. Đối với Hồ Thị L, Bùi văn Q và Bùi Văn Đ là những người bán dâm và mua dâm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thành đã ra quyết định xử phạt hành chính là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Trương Văn T là chồng của bị cáo, là người đứng tên trong Giấy phép kinh doanh Karaoke. Tuy nhiên ông T đã giao cho bị cáo trực tiếp quản lý, khi bị cáo thực hiện hành vi chứa mại dâm ông T không có mặt tại quán, không biết hành vi phạm tội của bị cáo nên không liên quan quan trong vụ án.

[7]. Xét về vật chứng: Vật chứng cơ quan điều tra thu giữ gồm có

- 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng;

- 01 chiếc đầu thu Camera nhãn hiệu AHUASIN: 3E042E1PAGĐ14EW vỏ màu trắng bạc, đã qua sử dụng;

- Tiền Việt Nam: 1.000.000đồng do bị cáo giao nộp khi đầu thú tại cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra xác định chiếc đầu thu Camera thu giữ không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Kiều Thị N là phù hợp.

Tịch thu tiêu hủy 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 600.000đ là tiền do phạm tội mà có; trả lại cho bị cáo số tiền 400.000đ.

[8]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Kiều Thị N phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố: Bị cáo Kiều Thị N phạm tội "*Chứa mại dâm*".

- Căn cứ: Khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Kiều Thị N 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án án treo, thời gian thử thách là 48 (*Bốn mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*); trả lại cho bị cáo số tiền 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*).

Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 22/4/2020 và Ủy nhiệm chi ngày 21/4/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thành và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Kiều Thị N phải chịu

200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS Thạch Thành;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Lê Văn Minh